

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ KỸ THUẬT BÁCH TÍN GIA VN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ KỸ THUẬT BÁCH TÍN GIA VN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BACH TIN GIA VN TRADING AND TECHNICAL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: BACH TIN TRADING AND TECHNICAL CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110742808

3. Ngày thành lập:

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 4/487 Hà Huy Tập, Thị Trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
2.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
3.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
4.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
5.	Khai thác gỗ	0220
6.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
7.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
8.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
9.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
10.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
11.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
12.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
13.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
14.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
15.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
16.	Sản xuất chè	1076
17.	Sản xuất cà phê	1077
18.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Trừ hoạt động đấu giá	4610
19.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
20.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631

21.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến	4632(Chính)
22.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép	4662
23.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
24.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy	4669
25.	Bán buôn tổng hợp Trừ các mặt hàng Nhà nước cấm	4690
26.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
27.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
28.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
29.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ các sản phẩm từ tổ yến trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
30.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
31.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
32.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
33.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
34.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
35.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
36.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
37.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
38.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
39.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
40.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
41.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Trừ hoạt động hoa tiêu	5222
42.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
43.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Trừ các hoạt động liên quan đến vận tải hàng không	5229
44.	Đại lý du lịch	7911
45.	Điều hành tua du lịch	7912
46.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990

47.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
48.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
49.	Cho thuê xe có động cơ	7710
50.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
51.	Cơ sở lưu trú khác	5590
52.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Trừ hoạt động của các quán bar, phòng hát karaoke, sàn nhảy, vũ trường	5610
53.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
54.	Dịch vụ ăn uống khác Trừ hoạt động của các quán bar, phòng hát karaoke, sàn nhảy, vũ trường	5629
55.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Trừ hoạt động của các quán bar, phòng hát karaoke, sàn nhảy, vũ trường	5630
56.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
57.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
58.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
59.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
60.	Xây dựng công trình điện	4221
61.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
62.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
63.	Xây dựng công trình thủy	4291
64.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
65.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
66.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
67.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322

68.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này. - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.	4329
69.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
70.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
71.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy; tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy; - Khảo sát xây dựng; - Thiết kế xây dựng công trình; - Giám sát thi công xây dựng công trình - Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, kiểm định xây dựng; Quản lý chi phí đầu tư xây dựng - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng - Tư vấn lập quy hoạch xây dựng - Tư vấn đấu thầu	7110
72.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
73.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
74.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
75.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
76.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
77.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
78.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn chuyển giao công nghệ phòng cháy và chữa cháy; huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy	7490
79.	Trồng lúa	0111

80.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
81.	Trồng cây mía	0114
82.	Trồng cây lấy sợi	0116
83.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
84.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
85.	Trồng cây hàng năm khác	0119
86.	Trồng cây ăn quả	0121
87.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
88.	Trồng cây cà phê	0126
89.	Trồng cây chè	0127
90.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
91.	Trồng cây lâu năm khác	0129
92.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
93.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
94.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
95.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
96.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
97.	Chăn nuôi gia cầm	0146
98.	Chăn nuôi khác	0149
99.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
100.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	4649
101.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

6. **Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

7. **Danh sách thành viên góp vốn:**

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	BÙI HUY THÀNH	Việt Nam	Số 4/487 Hà Huy Tập, Thị Trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.000.000.000	40,000	030080006841	

